TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 184/2022/QĐST-HNGĐ	*TP. Thanh Hoá, ngày 23 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 225/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Đới Văn B, sinh năm 1959;

ĐKHK: Thôn 5, xã H, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Số nhà 04/89 phố Mậ, đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số nhà 61 (nay là số nhà 04/89 phố M), đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Đới Văn B và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng đến ngày 02/6/2001 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay ông B và bà T đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông B và bà T thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự

thỏa thuận của ông bà về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ nên công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông B, bà T có hai con chung là các cháu Đới Thị X, sinh ngày 15/5/1995 và cháu Đới Thị H, sinh ngày 26/02/1997, cháu H đã thành niên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu Đới Thị X bị bệnh tâm thần phân liệt không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Ly hôn, ông bà thỏa thuận giao cháu X cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu X khỏi bệnh, có khả năng tự lao động.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Ông B và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Do ông B, bà T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đới Văn B và bà Nguyễn Thị T

- Về con chung: Ông B và bà T có hai con chung là các cháu Đới Thị X, sinh ngày 15/5/1995 và cháu Đới Thị H, sinh ngày 26/02/1997, cháu H đã thành niên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đới Thị X bị bệnh tâm thần phân liệt không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, giao cháu X cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu X khỏi bệnh, có khả năng lao động.

Ông B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ông B và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm cho ông B và bà T.

3. Quyết định này có hiệu lực sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP.Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND xã X, h. N, t.Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh